

Bản án số: 434/2022/DS-PT

Ngày: 29 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 602/2022/QĐ - PT ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chùa K

Địa chỉ: Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 (Pháp danh: Thích Giác Tông), sinh năm 1952 – Trụ trì Chùa K (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

1/Ông Dương Văn K1, sinh năm 1950 (vắng mặt)

2/Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Tạ Nguyệt T10 thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Khải H, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số 5/121, Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 5/115, Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Trần Thị Hồng H1, sinh năm 1962 (có mặt)

4. Ông Trần Minh T1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 108, đường N, phường N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: T3B 34-08 M, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Trần Thị Hồng M1, sinh năm 1995 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 5/121, Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt) (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12, đường T2, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Minh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Khải H, bà Trần Thị Hồng N, bà Trần Thị Hồng H1, ông Trần Minh T1, bà Trần Thị Hồng M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1999, ông Nguyễn Văn H2 đại diện Chùa K có nhận chuyển nhượng diện tích đất ngang 6m, dài 569m của một số hộ dân để làm đường đi vào chùa. Phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của 05 hộ dân cụ thể: Bà Trần Thị Hồng C ngang 06m, dài 141m, tổng diện tích 846m² với giá 1.657.500 đồng; hộ ông Dương Văn N1 ngang 03m, dài 93m, tổng diện tích 279m² với giá 535.500 đồng; ông Tăng Văn T2 ngang 06m, có đoạn ngang 03m, tổng diện tích 999m² với giá 1.963.500 đồng; ông Huỳnh Hữu N2 ngang 06m, dài 141m, tổng diện tích 846m² với giá 1.657.500 đồng; ông Tăng Văn T3 ngang 06m, dài 126m, tổng diện tích 756m² với giá 1.479.000 đồng. Việc nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 8 ngày 04/10/1999, có biên nhận về việc nhận tiền của các hộ dân vào ngày 06/11/1999 có xác nhận của trưởng khóm và có cấm cọc làm ranh đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì Chùa K sử dụng phần diện tích ngang 1,5m (phần đất ở giữa), dài 569m để làm đường đi vào chùa vào năm 1999. Hiện nay do con đường đã hư hỏng, gây khó khăn cho việc đi lại nên phía chùa và người dân cùng chính quyền địa phương đóng góp để nâng cấp lộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại. Khi Chùa tiến hành nâng cấp lộ thì ông Trần Minh T (em ruột bà C) ngăn cản không cho mở rộng lộ ngang 06m mà chỉ cho mở rộng

một phần, hiện nay do bà C đã chết nên ông T3 đang quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Do đó, Chùa K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T3 trả lại phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 124,9m².

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Trần Minh T trình bày:

Năm 1999, bà C không có chuyển nhượng phần diện tích đất nào cho Chùa K, bà C có hiến cho Chùa phần diện tích ngang 1,5m, dài hết đất của gia đình để Chùa làm lộ. Khi tiến hành làm lộ thì Chùa chỉ làm 1/2 chiều ngang diện tích đất được gia đình ông hiến cho (0,75m), phần còn lại là của các hộ dân. Đối với diện tích đất tranh chấp tại thửa 91, thửa 92 trước đó bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2010 bà C đã làm hợp đồng tặng cho ông phần diện tích đất tại thửa 91 và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Chùa K đòi ông trả diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Khải H, bà Trần Thị Hồng N, bà Trần Thị Hồng H1, ông Trần Minh T1, bà Trần Thị Hồng M1, Ủy ban nhân dân thành phố B: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Minh T, đồng thời không có ý kiến gì bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 14/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chùa K đối với diện tích 75,61m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa K về việc yêu cầu ông Trần Minh T trả lại phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 151,4m² (Trong đó: Phần diện tích 26,5m² đất tại thửa 91, tờ bản đồ số 14 do ông Trần Minh T đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích 124,9m² đất tại thửa 92, tờ bản đồ số 14 do bà Trần Thị Thu C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất tọa lạc tại Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị T1 và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với đất ông Trần Minh T đã cho Chùa K có số đo 1,46m;

- Hướng Tây giáp với đất của ông Tăng Văn T3 có số đo 1,46m;

- Hướng Nam giáp với đất của ông Trần Minh T có số đo 8,33m + 79,34m + 12,86m + 0,45m + 6,25m + 0,25m + 0,75m;

- Hướng Bắc giáp với ông Trần Minh T đồng ý cho Chùa K làm lộ có số đo 8,18m+79,95m+20,13m

2.1. Buộc ông Trần Minh T, và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Hồng C gồm: Bà Trần Thị Khải H, Bà Trần Thị Hồng N; Bà Trần Thị Hồng H1; Ông Trần Minh T1; bà Trần Thị Hồng M1 giao trả cho Chùa K phần diện tích đất 151,4m² (Trong đó: Phần diện tích 26,5m² đất tại thửa 91,

tờ bản đồ số 14 do ông Trần Minh T đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích 124,9m² đất tại thửa 92, tờ

bản đồ số 14 do bà Trần Thị Hồng C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất tọa lạc tại Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Vị T1 và số đo như đã tuyên tại mục 2.

2.2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 604328 đối với phần diện tích đất tranh chấp là 26,5m², đất tại thửa 91, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp cho ông Trần Minh T ngày 06/9/2010. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Hồng C đối với phần diện tích 124,9m², đất tại thửa 92, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp cho bà C ngày 30/9/1998. Với vị T1:

- Hướng Đông giáp với đất ông Trần Minh T đã cho Chùa K có số đo 1,46m;

- Hướng Tây giáp với đất của ông Tăng Văn T3 có số đo 1,46m;

- Hướng Nam giáp với đất của ông Trần Minh T có số đo 8,33m + 79,34m + 12,86m + 0,45m + 6,25m + 0,25m + 0,75m;

- Hướng Bắc giáp với ông Trần Minh T đồng ý cho Chùa K làm lộ có số đo 8,18m + 79,95m + 20,13m

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 16/12/2021 và 17/12/2021 bị đơn ông Trần Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trần Thị Khải H, Trần Thị Hồng N, Trần Thị Hồng H1, Trần Minh T1, Trần Thị Hồng M1 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đề giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Chùa K đã mua đất 05 hộ dân, làm 1 con lộ ngang 6m nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo trình bày: Các đương sự chỉ đồng ý giao cho Chùa phần đất hiến, không đồng ý giao phần đất đã bán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T1 có kháng cáo nhưng vắng mặt. Xét thấy, ông T1 có cùng nội dung kháng cáo với những đương sự có mặt, nên việc vắng mặt ông T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 91 (124,9m²), thửa 92 (26,5m²) tại Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do ông Trần Minh T đang quản lý, sử dụng, đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T3 đối với thửa 91 và bà Trần Thị Hồng C đối với thửa 92. Chùa K cho rằng phần đất này nằm trong diện tích đất mà Chùa đã mua của 05 hộ dân vào năm 1999 để làm đường vào Chùa, nên khởi kiện yêu cầu ông T3 trả lại phần diện tích đất trên.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp do bà Trần Thị Thu C quản lý, sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng đã nhận chuyển nhượng đất từ bà C năm 1999, chứng cứ chứng minh là “đơn xin đắp lộ chùa” ngày 04/10/1999 thể hiện Chùa bồi hoàn cho một số hộ dân thỏa thuận giao đất cho Chùa làm lộ, trong đó có bà Trần Thị Hồng C với diện tích dài 81m, ngang 6m, tổng diện tích là 486m², kèm theo biên nhận ngày 06/11/1999 về việc các hộ dân có nhận tiền của Chùa để đồng ý giao đất cho Chùa sử dụng (trong đó có bà C).

Xét thấy: Theo đơn xin đắp lộ chùa ngày 04/10/1999 và biên nhận ngày 06/11/1999 thì lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Hơn nữa, qua kết quả xác minh các hộ dân cùng chuyển nhượng đất cho Chùa gồm ông Dương Văn N1, ông Huỳnh Hữu N2, ông Tăng Văn P, ông Tăng Văn T2 đều thừa nhận có chuyển nhượng đất cho Chùa đúng với phần đất được thể hiện trong các văn bản do Chùa cung cấp, và đường lộ vào Chùa đi qua phần đất của các hộ dân trên, bao gồm đất của bà C nằm giữa đoạn đường. Do vậy, lời trình bày của nguyên

đơn về việc Chùa K có nhận chuyển nhượng đất của bà Trần Thị Hồng C để làm đường đi năm 1999 như biên nhận ngày 06/11/1999 thể hiện là có căn cứ.

[3.2] Mặc dù, giao dịch chuyển nhượng giữa bà C và Chùa K không làm hợp đồng chuyển nhượng, nhưng Chùa đã sử dụng để làm lộ ổn định từ năm 1999 đến khi phát sinh tranh chấp. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì phần đất tranh chấp Chùa đã sử dụng làm lộ đoạn đầu dài 15,43m, ngang 06m; Phần còn lại dài 108,26m, ngang 1,5m Chùa chưa sử dụng thì ông T3 đồng ý giao cho Chùa mở rộng lộ một phần, phần còn lại ngang 1,46m dài hết đất đang tranh chấp thì không cho Chùa sử dụng. Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C với Chùa K phù hợp với tiêu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3.3] Đối với phần diện tích đất còn lại ngang 1,46m dài hết đất trên thực tế Chùa sử dụng cắm cột làm bản tên Chùa. Ông T3 xác định Chùa hỏi mượn nhưng không có chứng cứ chứng minh việc mượn. Mặt khác, việc Chùa nhận chuyển nhượng đất tranh chấp nhằm mục đích công cộng, tạo điều kiện thuận tiện làm đường đi vào Chùa và việc chuyển nhượng đất giữa các bên có xảy ra trên thực tế, các chủ đất khác đều thừa nhận. Khi còn sống bà C không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng và không có ý kiến. Phía gia đình ông T3 cho rằng đất hương quả, nhưng căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thì không thể hiện có việc các anh em có văn bản xác định tài sản chung, hay đất hương quả trước khi bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Chùa K từ khi bà C được cấp quyền sử dụng đất đến nay cũng không ai tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Chùa K với bà Trần Thị Hồng C, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chùa K về việc đòi ông Trần Minh T giao trả đất tranh chấp để làm đường đi là có căn cứ.

[3.4] Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Chùa K với bà Trần Thị Hồng C được công nhận, nên ngày 16/7/2010, bà C làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tranh chấp tại thửa số 91, tờ bản đồ số 14 đất được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C ngày 01/3/2000 và việc ông Trần Minh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được bà C tặng cho vào năm 2010 là không đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 604328, tại thửa 91, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Trần Minh T ngày 06/9/2010 đối với phần diện tích đất 26,5m², và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Hồng C tại thửa 92, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho bà C ngày 30/9/1998 đối với phần diện tích 124,9m² là đúng quy định pháp luật.

[3.5] Đối với diện tích 75,61m² thì Chùa K đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với phần này.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1954; Bà Trần Thị Khải H, sinh năm 1954; Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1957; Bà Trần Thị Hồng H1, sinh năm 1962 nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Trần Minh T1 và bà Trần Thị Hồng M1 phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh T; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trần Thị Khải H, Trần Thị Hồng N, Trần Thị Hồng H1, Trần Minh T1, Trần Thị Hồng M1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 705, Điều 707 Bộ luật Dân sự năm 1995; Tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chùa K đối với diện tích 75,61m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa K về việc yêu cầu ông Trần Minh T trả lại phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 151,4m² (Trong đó: Phần diện tích 26,5m² đất tại thửa 91, tờ bản đồ số 14 do ông Trần Minh T đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích 124,9m² đất tại thửa 92, tờ bản đồ số 14 do bà Trần Thị Thu C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất), đất tọa lạc tại Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị T1 và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với đất ông Trần Minh T đã cho Chùa K có số đo 1,46m;
- Hướng Tây giáp với đất của ông Tăng Văn T3 có số đo 1,46m;
- Hướng Nam giáp với đất của ông Trần Minh T có số đo 8,33m + 79,34m + 12,86m + 0,45m + 6,25m + 0,25m + 0,75m;
- Hướng Bắc giáp với ông Trần Minh T đồng ý cho Chùa K làm lộ có số đo 8,18m + 79,95m + 20,13m

2.1. Buộc ông Trần Minh T, và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Hồng C gồm: Bà Trần Thị Khải H, Bà Trần Thị Hồng N; Bà Trần Thị Hồng H1; Ông Trần Minh T1; Bà Trần Thị Hồng M1 giao trả cho Chùa K phần diện tích đất 151,4m² (Trong đó: Phần diện tích 26,5m² đất tại thửa 91, tờ bản đồ số 14 do ông Trần Minh T đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích 124,9m² đất tại thửa 92, tờ

bản đồ số 14 do bà Trần Thị Hồng C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất tọa lạc tại Khóm T, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Vị T1 và số đo như đã tuyên tại mục 2.

2.2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 604328 đối với phần diện tích đất tranh chấp là 26,5m², đất tại thửa 91, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp cho ông Trần Minh T ngày 06/9/2010. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Hồng C đối với phần diện tích 124,9m², đất tại thửa 92, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp cho bà C ngày 30/9/1998. Với vị T1:

- Hướng Đông giáp với đất ông Trần Minh T đã cho Chùa K có số đo 1,46m;
- Hướng Tây giáp với đất của ông Tăng Văn T3 có số đo 1,46m;
- Hướng Nam giáp với đất của ông Trần Minh T có số đo 8,33m + 79,34m + 12,86m + 0,45m + 6,25m + 0,25m + 0,75m;
- Hướng Bắc giáp với ông Trần Minh T đồng ý cho Chùa K làm lộ có số đo 8,18m + 79,95m + 20,13m

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Minh T, bà Trần Thị Khải H, bà Trần Thị Hồng N, bà Trần Thị Hồng H1 được miễn.
- Ông Trần Minh T1, bà Trần Thị Hồng M1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000118 ngày 20/12/2021, biên lai số 0000121 ngày 23/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Đắc Minh

Trần Văn Mười

